

PHỤ LỤC IV

MẪU LOẠI HỢP ĐỒNG O&M ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Phụ lục này bao gồm:

Phần I. Văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng

Phần II. Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Phần III. Phụ lục hợp đồng.

Tại mẫu loại hợp đồng này, một số từ ngữ được giải thích và viết tắt như sau:

Nội dung từ ngữ	Giải thích từ ngữ	Viết tắt
Cơ quan có thẩm quyền	Theo khoản 1 Điều 5 Luật PPP	CQCTQ
Các bên ký kết hợp đồng	Bao gồm cơ quan ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án O&M	Các bên
Cơ quan ký kết hợp đồng	Theo khoản 2 Điều 5 Luật PPP	CQKKHĐ
Nhà đầu tư	Theo khoản 18 Điều 3 Luật PPP	NDT
Doanh nghiệp dự án	Theo khoản 8 Điều 3 Luật PPP	DNDA
Ủy ban nhân dân		UBND
Đầu tư theo phương thức đối tác công tư		PPP

**PHẦN I. VĂN BẢN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN VỀ HỢP ĐỒNG
DỰ ÁN O&M ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Dự án: _____ [ghi tên dự án]

Căn cứ (văn bản quy phạm pháp luật);

Căn cứ (các văn bản liên quan).

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

1. Cơ quan có thẩm quyền/cơ quan ký kết hợp đồng dự án O&M (là một bên của hợp đồng):

Tên cơ quan có thẩm quyền/cơ quan ký kết hợp đồng dự án O&M: [ghi tên cơ quan có thẩm quyền/cơ quan ký kết hợp đồng]

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Người đại diện:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____
(trường hợp được ủy quyền).

2. Nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án (là một bên của hợp đồng):

2.1. Nhà đầu tư:

Tên giao dịch: [ghi tên giao dịch của nhà đầu tư]

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Người đại diện:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____
(trường hợp được ủy quyền).

2.2. Doanh nghiệp dự án:

Tên giao dịch: [ghi tên giao dịch của doanh nghiệp dự án]

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Người đại diện:

Chức vụ:

Các bên trên đây thống nhất ký hợp đồng để thực hiện dự án _____ [ghi tên của dự án] với các nội dung sau:

Điều 1. Thành phần hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý

Thành phần hồ sơ hợp đồng dự án O&M và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng O&M đường bộ cao tốc, bao gồm: văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng, điều kiện chung của hợp đồng, điều kiện cụ thể của hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có);
2. Biên bản đàm phán hợp đồng;
3. Văn bản pháp lý về kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
4. Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn;
5. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;
6. Các tài liệu có liên quan.

Những tài liệu cấu thành nên hợp đồng có quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp các bên không thống nhất được thì thứ tự ưu tiên các tài liệu cấu thành hợp đồng để xử lý vấn đề không thống nhất áp dụng theo trình tự sắp xếp tại Điều này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhượng quyền để kinh doanh, quản lý một phần hoặc toàn bộ công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có trong thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chấm dứt hợp đồng.

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án nộp ngân sách nhà nước số tiền là _____ [ghi số tiền nộp ngân sách nhà nước], với thời hạn nộp là _____ [ghi số lần, số tiền nộp trong mỗi lần].

Thông tin nộp tiền là _____ [*ghi cách thức nộp tiền*].

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền/cơ quan ký kết hợp đồng dự án O&M

Cơ quan có thẩm quyền/cơ quan ký kết hợp đồng cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Thời hạn hợp đồng:

Thời hạn hợp đồng là _____ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định của hồ sơ mời thầu, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 5. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [*ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi _____ [*ghi cụ thể ngày hết hiệu lực của hợp đồng*].

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, cơ quan có thẩm quyền/cơ quan ký kết hợp đồng giữ _____ bộ, nhà đầu tư giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽²⁾**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

**CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG
DỰ ÁN O&M**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
DOANH NGHIỆP DỰ ÁN**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Cập nhật các văn bản hiện hành liên quan đến hợp đồng.

(2) Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong hợp đồng phải bao gồm thông tin của tất cả các thành viên liên danh. Đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh phải ký tên, đóng dấu vào hợp đồng.

PHẦN II. ĐIỀU KIỆN CHUNG VÀ ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trong phần này:

- Cột bên trái (**chữ in đậm**) là các **điều kiện chung** của hợp đồng.
- Cột bên phải (chữ in thường và *chữ in nghiêng*) là các **điều kiện cụ thể** của hợp đồng. Trong đó, các nội dung in đứng mang tính bắt buộc phải áp dụng, các nội dung in nghiêng nhằm mục đích hướng dẫn và được cụ thể hóa trên cơ sở quy mô, tính chất và điều kiện riêng (nếu có) của dự án, tuân thủ quy định pháp luật và hồ sơ dự án. Căn cứ quy định pháp luật, tài liệu dự án, kết quả thương thảo hợp đồng, bên mời thầu hoàn thiện nội dung này, làm rõ toàn bộ nội dung tương ứng với điều kiện chung của hợp đồng O&M đường bộ cao tốc.

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	
Điều 1. Định nghĩa và các từ viết tắt về các khái niệm, từ ngữ được sử dụng trong hợp đồng dự án	<p>Định nghĩa và các từ viết tắt về các khái niệm, từ ngữ được sử dụng trong hợp đồng dự án, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và bối cảnh cụ thể của dự án.</p> <p>+ <i>Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NĐT, kết quả thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu hoàn thiện “Các khái niệm, từ ngữ sử dụng trong hợp đồng”.</i></p> <p>+ <i>Nêu các từ viết tắt được sử dụng tại hợp đồng, có thể bao gồm: Tên của cơ quan, tổ chức, các cụm từ thông dụng,... Việc viết tắt đảm bảo dễ hiểu, không gây nhầm lẫn với các từ khác.</i></p>
Điều 2. Nguyên tắc giải thích số ít, số nhiều, giới tính và các vấn đề đặc thù khác	<p>Nguyên tắc giải thích số ít, số nhiều, giới tính và các vấn đề đặc thù khác trong trường hợp hợp đồng dự án được ký kết với một bên là NĐT nước ngoài.</p> <p><i>Căn cứ ngôn ngữ hợp đồng, ngôn ngữ của các tài liệu khác liên quan, quy định pháp luật hiện hành, kết quả thương thảo hợp đồng, bên mời thầu hoàn thiện nội dung này.</i></p>
II. MỤC TIÊU, QUY MÔ CỦA DỰ ÁN	
Điều 3. Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của dự án	Nêu mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án.
Điều 4. Quy mô, công suất; dự án thành phần, tiểu dự án, hạng mục của dự án	Nêu quy mô, công suất; dự án thành phần, tiểu dự án, hạng mục của dự án.
III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN, NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI NGUYÊN KHÁC	

Điều 5. Địa điểm thực hiện dự án	<p>Nêu địa điểm thực hiện dự án.</p> <p><i>Bao gồm: địa danh cụ thể, diện tích sử dụng đất, tài nguyên khác (mặt nước, khoáng sản,...) trong phạm vi dự án và các công trình liên quan theo quyết định phê duyệt chủ trương, quyết định phê duyệt dự án.</i></p>
Điều 6. Hiện trạng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án; máy móc, thiết bị và các loại tài sản khác có liên quan, thuyết minh yêu cầu về việc vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của dự án nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công	<p>Nêu hiện trạng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án; máy móc, thiết bị và các loại tài sản khác có liên quan, thuyết minh yêu cầu về việc vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của dự án nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;</p> <p><i>Phù hợp với các tài liệu dự án (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án, hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu,...).</i></p> <p><i>Nêu quyền, nghĩa vụ của NĐT, DNDA đối với các nội dung thuộc trách nhiệm bảo hành công trình của nhà thầu xây dựng (nếu có).</i></p> <p>Nêu quyền, trách nhiệm của các bên trong trường hợp cần giải phóng mặt bằng để thực hiện các hạng mục dự án.</p>
IV. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN	
Điều 7. Thời hạn hợp đồng dự án	<p>Thời hạn hợp đồng dự án căn cứ theo quyết định phê duyệt dự án và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NĐT, kết quả thương thảo hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật PPP và khoản 8 Điều 5 Thông tư này.</p> <p><i>Thời hạn hợp đồng dự án được xác định căn cứ yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ của từng loại công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, thời gian cần sửa chữa định kỳ hoặc thời gian sử dụng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định pháp luật.</i></p> <p><i>Thời hạn hợp đồng dự án có thể bao gồm các mốc thời gian sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian xây dựng các hạng mục phục vụ công tác vận hành, bảo trì, thu phí; - Thời gian vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng. Trong đó, cần căn cứ vào thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật PPP; - Các mốc thời gian khác.
Điều 8. Các trường hợp được điều chỉnh thời hạn hợp đồng của dự án	<p>8.1. Các trường hợp được điều chỉnh thời hạn hợp đồng của dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật PPP.</p> <p>8.2. Các mốc thời gian được điều chỉnh trên cơ sở quy định tại hợp đồng này.</p> <p>8.3. Các bên ký kết hợp đồng được điều chỉnh thời hạn hợp đồng nhưng bảo đảm tổng thời hạn hợp đồng, bao gồm thời gian điều chỉnh không vượt quá thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và không làm thay đổi các nội dung khác của quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật PPP.</p>

Điều 9. Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án	<p>9.1. Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án theo quy định tại Điều 8 hợp đồng này.</p> <p>9.2. Việc sửa đổi hợp đồng trong trường hợp điều chỉnh thời hạn hợp đồng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 50 Luật PPP.</p>
V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ, CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP	
Điều 10. Yêu cầu về kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng cho dự án	<p>10.1. Nguyên tắc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn <i>Việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</i></p> <p>10.2. Điều kiện áp dụng <i>Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có) được áp dụng trong dự án phải đảm bảo các yêu cầu pháp luật liên quan; có thể bao gồm các nội dung như: quy định về điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn áp dụng cho dự án, ...</i></p> <p>10.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong trường hợp thay đổi giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công dẫn đến thay đổi chi phí, thời gian.</p>
Điều 11. Các tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm dịch vụ công	Quy định các tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm dịch vụ công.
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc giám sát tính tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng	Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc giám sát tính tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm dịch vụ công.
VI. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, GIÁ TRỊ TỐI THIỂU NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CƠ CẤU NGUỒN VỐN, PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH	
Điều 13. Tổng mức đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt là: <i>[ghi giá trị tổng mức đầu tư dự án theo quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định có liên quan]</i>
Điều 14. Giá trị nộp ngân sách nhà nước	Giá trị nộp ngân sách nhà nước là: <i>[ghi giá trị nộp ngân sách nhà nước theo kết quả lựa chọn NĐT]</i>
Điều 15. Cơ cấu nguồn vốn	<p>Nêu cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án.</p> <p><i>Căn cứ kết quả lựa chọn NĐT và kết quả thương thảo hợp đồng, bên mời thầu hoàn thiện nội dung này với các nội dung như:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Giá trị phần vốn chủ sở hữu;</i> - <i>Giá trị phần vốn do NĐT huy động.</i>
Điều 16. Kế hoạch thu xếp tài chính	<p>16.1. Tiến độ nộp giá trị nộp ngân sách nhà nước</p> <p><i>Nêu tiến độ, thời gian, giá trị nộp ngân sách nhà nước.</i></p>

	<p>16.2. Vốn chủ sở hữu:</p> <p>a) Tổng số vốn là <i>[ghi giá trị]</i>. Vốn chủ sở hữu của NĐT tham gia thực hiện dự án bảo đảm không thấp hơn <i>[ghi giá trị phần vốn chủ sở hữu mà NĐT phải góp phù hợp với Điều 15]</i>;</p> <p>b) Tiến độ góp vốn chủ sở hữu so với vốn điều lệ của DNDA. <i>Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, kết quả lựa chọn NĐT và kết quả thương thảo hợp đồng, bên mời thầu quy định tiến độ góp vốn chủ sở hữu so với vốn điều lệ của DNDA như:</i> <i>Vốn chủ sở hữu của NĐT được góp theo tiến độ thỏa thuận tại hợp đồng dự án. Trường hợp vốn điều lệ của DNDA thấp hơn mức vốn chủ sở hữu NĐT cam kết huy động, hợp đồng dự án phải bao gồm lộ trình tăng vốn điều lệ của DNDA, phù hợp với tiến độ triển khai dự án.</i></p> <p>16.3. Nguồn vốn huy động:</p> <p>Tổng số vốn NĐT huy động thông qua các hình thức vay (nếu có) không vượt quá tổng số vốn vay theo quy định tại <i>[tài liệu dự án]</i>. <i>Nêu nguồn vốn huy động (vốn vay, vốn tín dụng ưu đãi, trái phiếu DNDA và các nguồn khác): tổng mức vốn huy động thời gian vay, trả, thời gian ân hạn (theo từng nguồn vốn); chi phí huy động vốn bao gồm: lãi suất vốn vay của từng nguồn vốn, chi phí cần thiết liên quan đến huy động nguồn vốn được pháp luật cho phép; đồng tiền vay và tỷ giá thanh toán; điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động; tiến độ, thứ tự giải ngân, phương án trả nợ (theo từng nguồn vốn).</i></p> <p>16.3. Quy định về việc ký kết thỏa thuận về việc lựa chọn NĐT thay thế giữa cơ quan ký kết hợp đồng, bên cho vay, NĐT, DNDA (được ký kết đồng thời với hợp đồng cấp tín dụng). <i>Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và tính chất của từng dự án, bên mời thầu đề xuất hình thức, thời điểm ký kết phù hợp đảm bảo không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng này.</i></p>
<p>Điều 17. Doanh thu trong phương án tài chính</p>	<p>17.1. Mức doanh thu theo các thời hạn do các bên thỏa thuận, phù hợp với quy định pháp luật và tài liệu dự án. <i>Xác định doanh thu của dự án qua từng năm trên cơ sở tài liệu dự án. Giá, phí sản phẩm, dịch vụ và các khoản thu khác; lộ trình tăng giá, phí.</i></p> <p>17.2. Quy định đồng tiền được áp dụng để xác định doanh thu. <i>Trường hợp tổ chức, cá nhân là người cư trú, người không cư trú có hoạt động ngoại hối tại Việt Nam cần tuân thủ quy định pháp luật về ngoại hối.</i></p>
<p>Điều 18. Thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính khác</p>	<p>Quy định thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính khác. <i>Nêu rõ các loại thuế, phí, nghĩa vụ tài chính; quyền và nghĩa vụ của các bên; trường hợp thay đổi thuế, phí, nghĩa vụ tài chính và các nội dung liên quan.</i></p>

Điều 19. Các chỉ tiêu tài chính đầu ra cần đạt được để bảo đảm tính khả thi tài chính của dự án	Quy định các chỉ tiêu tài chính đầu ra cần đạt được để bảo đảm tính khả thi tài chính của dự án
Điều 20. Nghĩa vụ của NĐT, DNDA trong việc thu xếp tài chính cho dự án	<p>Quy định nghĩa vụ của NĐT, DNDA trong việc thu xếp tài chính cho dự án.</p> <p><i>Có thể gồm các nội dung như:</i></p> <p>a) Nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước</p> <p><i>Căn cứ quy định pháp luật, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NĐT, tài liệu dự án, kết quả thương thảo.</i></p> <p><i>Quy định rõ thời gian, cách thức, trình tự, thủ tục, thông tin tài khoản nhận... tiền nộp vào ngân sách nhà nước.</i></p> <p>b) Nguồn vốn chủ sở hữu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm NĐT trong góp vốn chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của hợp đồng này và yêu cầu thực hiện dự án. - Tiến độ huy động vốn chủ sở hữu: <ul style="list-style-type: none"> + Căn cứ yêu cầu về vốn chủ sở hữu quy định tại phương án tài chính. Trách nhiệm xây dựng bảng kế hoạch thực hiện, tiến độ huy động vốn chủ sở hữu, tiến độ giải ngân, thanh toán. + Mức vốn điều lệ đăng ký. - Mức vốn điều lệ đăng ký và tiến độ huy động vốn căn cứ vào yêu cầu của dự án và nội dung quy định. Trường hợp vốn điều lệ đăng ký lần đầu của DNDA thấp hơn mức vốn chủ sở hữu yêu cầu, nêu tiến độ NĐT thực hiện việc tăng vốn điều lệ của DNDA đáp ứng yêu cầu tại bảng tiến độ huy động vốn chủ sở hữu. <p>c) Nguồn vốn NĐT huy động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm huy động vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật và quy định của hợp đồng dự án để thực hiện dự án theo quy định tại hợp đồng dự án đã ký kết; - Hợp đồng vay phải đảm bảo có hiệu lực và đáp ứng khả năng giải ngân, phù hợp với tiến độ thực hiện theo quy định; - Thời hạn hoàn thành thu xếp tài chính. <p>d) Báo cáo tình hình huy động vốn</p> <p><i>Trong thời gian theo quy định [tần suất/thời hạn báo cáo theo kết quả thương thảo], DNDA có trách nhiệm báo cáo CQKKHĐ về tình hình huy động/giải ngân vốn chủ sở hữu, huy động/giải ngân vốn vay (kèm theo các tài liệu xác thực cần thiết).</i></p> <p>đ) Các nghĩa vụ khác.</p>
Điều 21. Trách nhiệm của NĐT, DNDA trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ thu xếp tài chính	<p>Quy định trách nhiệm của NĐT, DNDA trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ thu xếp tài chính.</p> <p><i>Quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ thu xếp tài chính, bao gồm nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước, góp vốn chủ sở hữu, huy động vốn vay,...</i></p> <p><i>Quy định về trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi</i></p>

	<i>phạm (nếu có) như: xảy ra sự kiện bất khả kháng, ... Quy định về nghĩa vụ chứng minh, thông báo, xác nhận trong trường hợp miễn trách nhiệm.</i>
Điều 22. Điều kiện thay đổi phương án tài chính	Quy định về điều kiện thay đổi phương án tài chính. <i>Phương án tài chính của dự án được xây dựng trên cơ sở Điều 4 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.</i>
VII. CHIA SẺ PHẦN TĂNG DOANH THU	
Điều 23. Cơ chế báo cáo doanh thu của DNDA và cơ chế theo dõi doanh thu	Quy định về cơ chế báo cáo doanh thu của DNDA cho CQKKHĐ và cơ chế theo dõi doanh thu theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật PPP, Chương V, Chương VI Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.
Điều 24. Trường hợp dự án áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu	Quy định về trường hợp dự án được áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu theo quy định tại Điều 82 Luật PPP. Khi doanh thu thực tế đạt cao hơn 125% mức doanh thu trong phương án tài chính tại hợp đồng dự án PPP, NĐT, DNDA PPP chia sẻ với Nhà nước 50% phần chênh lệch giữa doanh thu thực tế và mức 125% doanh thu trong phương án tài chính. Việc chia sẻ phần tăng doanh thu được áp dụng sau khi đã điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án PPP theo quy định tại các Điều 50, Điều 51 và Điều 65 của Luật PPP và được Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán phần tăng doanh thu.
Điều 25. Thời hạn thanh toán phần chia sẻ phần tăng doanh thu	Quy định về thời hạn thanh toán phần chia sẻ phần tăng doanh thu theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.
VII. ƯU ĐÃI, BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ	
Điều 26. Ưu đãi đầu tư	Ưu đãi đầu tư mà NĐT, DNDA được hưởng theo quy định tại Điều 79 Luật PPP, được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan. <i>Liệt kê các ưu đãi (nếu có) về: thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ưu đãi đầu tư khác.</i>
Điều 27. Bảo đảm đầu tư	NĐT, DNDA được hưởng các bảo đảm đầu tư và thực hiện theo quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 80 Luật PPP. <i>Liệt kê các bảo đảm (nếu có) về: quyền tiếp cận đất, quyền sử dụng đất và tài sản công khác của DNDA; bảo đảm cung cấp các dịch vụ công cho DNDA; bảo đảm quyền thế chấp tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn về tài sản, con người của DNDA; các bảo đảm đầu tư khác theo pháp luật về đầu tư.</i>
Điều 28. Bảo đảm cân đối ngoại tệ (trường hợp áp dụng)	Bảo đảm cân đối ngoại tệ được thực hiện theo quy định tại Điều 81 Luật PPP. <i>Quy định về hạn mức, thời hạn, thời điểm cân đối ngoại tệ trong trường hợp dự án PPP được Chính phủ cho phép bảo đảm cân</i>

	<i>đối ngoại tệ.</i>
VIII. GIÁ, PHÍ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG	
Điều 29. Mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công	<p>29.1. Mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công. Quy định về mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công. <i>Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và điều kiện, thủ tục điều chỉnh được quy định tại hợp đồng dự án PPP theo nguyên tắc bảo đảm lợi ích của NĐT, DNDA PPP, người sử dụng và Nhà nước, tạo điều kiện để NĐT, DNDA PPP thu hồi vốn và có lợi nhuận. Phương án giá, khung giá sản phẩm, dịch vụ công theo thời hạn hợp đồng dự án PPP phải xác định cụ thể mức giá khởi điểm và mức giá cho từng thời kỳ bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật PPP.</i></p> <p>29.2. Phương pháp và công thức điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công. <i>Việc điều chỉnh mức giá, phí phải phù hợp với quy định về điều chỉnh hợp đồng, điều chỉnh thời hạn hợp đồng, cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu và các quy định khác liên quan.</i></p>
Điều 30. Các trường hợp, thủ tục điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công cho từng thời kỳ	<p>Các trường hợp, thủ tục điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công cho từng thời kỳ. <i>Việc thỏa thuận, điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công cho từng thời kỳ trong hợp đồng dự án PPP phải phù hợp với quy định của pháp luật về giá, phí theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Luật PPP.</i></p>
Điều 31. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công	<p>Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công của các bên thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 65 Luật PPP.</p>
IX. CƠ CẤU LẠI CÁC KHOẢN NỢ (TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG)	
Điều 32. Điều kiện cơ cấu lại các khoản nợ	<p>Điều kiện để được cơ cấu lại các khoản nợ.</p>
Điều 33. Cơ chế chia sẻ phần lợi nhuận gia tăng	<p>Cơ chế chia sẻ phần lợi nhuận gia tăng khi cơ cấu lại các khoản nợ.</p>
X. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN ĐỐI VỚI CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG	
Điều 34. Thu xếp tài chính	<p>Kế hoạch thu xếp tài chính để thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng.</p>
Điều 35. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế	<p>Quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế.</p>
Điều 36. Các thủ tục xin cấp phép	<p>Quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan đến công tác xin cấp phép.</p>
Điều 37. Cơ chế phối hợp giữa các bên	<p>Thỏa thuận về cơ chế phối hợp giữa các bên ký kết hợp đồng. Nêu cơ chế phối hợp của các bên ký kết hợp đồng với bên cho</p>

	vay, địa phương,... (nếu có).
Điều 38. Thực hiện các thủ tục, yêu cầu về thi công xây dựng	Quyền, nghĩa vụ của các bên trong thực hiện các thủ tục, yêu cầu về thi công xây dựng.
Điều 39. Lựa chọn nhà thầu trong quá trình xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng	Quyền, nghĩa vụ của các bên trong công tác lựa chọn nhà thầu trong quá trình xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.
Điều 40. Chế độ quản lý chất lượng và giám sát, nghiệm thu hạng mục công trình	Quyền, nghĩa vụ của các bên trong công tác quản lý chất lượng và giám sát, nghiệm thu hạng mục công trình.
Điều 41. Thủ tục quyết toán, kiểm toán (nếu có)	Quyền, nghĩa vụ của các bên trong thủ tục quyết toán, kiểm toán (nếu có), <i>bao gồm: cung cấp tài liệu, thực hiện kết luận, ...</i>
Điều 42. Quyền và nghĩa vụ các bên đối với các hạng mục xây dựng	Quyền và nghĩa vụ các bên đối với các hạng mục xây dựng. <i>Bao gồm:</i> <i>Quyền sở hữu, sử dụng đối với các hạng mục xây dựng;</i> <i>Vấn đề chuyển giao các hạng mục xây dựng khi kết thúc thời hạn hợp đồng;</i> <i>Nghĩa vụ bảo hành, vận hành, bảo trì, bảo hiểm... các hạng mục xây dựng (bao gồm nghĩa vụ của NĐT, DNDA đối với việc bảo hành công tác bảo trì (nếu có));</i> <i>Các quyền, nghĩa vụ khác.</i>
XI. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH, KINH DOANH CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG	
Điều 43. Điều kiện vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng	DNDA vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng kể từ ngày hợp đồng dự án có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật PPP.
Điều 44. Nghĩa vụ của DNDA trong việc đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về vận hành, kinh doanh, khai thác công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng một cách liên tục, ổn định	44.1. Nghĩa vụ của DNDA trong việc đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về vận hành, kinh doanh, khai thác công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng một cách liên tục, ổn định. 44.2. Quy định trách nhiệm của DNDA đối với công trình, hạng mục công trình, nội dung công việc thuộc trách nhiệm bảo hành của nhà thầu xây dựng (nếu có).
Điều 45. Việc thu xếp bảo hiểm hoặc phương án quản lý rủi ro công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng	45.1. Quy định phạm vi, đối tượng được bảo hiểm hoặc quản lý rủi ro. <i>Tài sản công do Nhà nước đầu tư, có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hoả hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công</i>

	<p><i>cụ khác theo quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</i></p> <p>45.2. Quy định quyền và nghĩa vụ các bên đối với việc bảo hiểm, quản lý rủi ro.</p> <p>45.3. Quy định cơ chế tài chính trong bảo hiểm, quản lý rủi ro.</p> <p>45.4. Quy định biện pháp quản lý rủi ro.</p> <p>Việc quản lý rủi ro bằng biện pháp bảo hiểm hoặc các biện pháp khác trong quá trình vận hành, khai thác.</p> <p><i>Công cụ tài chính quản lý rủi ro đối với tài sản công thực hiện theo quy định tại Chương XV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</i></p> <p><i>Công cụ tài chính quản lý rủi ro đối với tài sản của NĐT, DNDA thực hiện theo quy định pháp luật doanh nghiệp, pháp luật bảo hiểm, pháp luật thương mại và các quy định liên quan.</i></p>
Điều 46. Tổ chức vận hành, bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng	<p>Tổ chức vận hành, bảo dưỡng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.</p> <p><i>Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 25/2023/NĐ-CP ngày 19/5/2023) và các văn bản liên quan.</i></p>
Điều 47. Điều kiện, biện pháp giải quyết khi tạm ngừng cung cấp hàng hóa, dịch vụ do sự cố kỹ thuật, sự kiện bất khả kháng và các trường hợp khác	<p>Điều kiện, biện pháp giải quyết khi tạm ngừng cung cấp hàng hóa, dịch vụ do sự cố kỹ thuật, sự kiện bất khả kháng và các trường hợp khác</p> <p><i>Thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định khác có liên quan.</i></p>
Điều 48. Quyền, nghĩa vụ của CQKKHĐ trong việc kiểm tra giám sát nghĩa vụ của DNDA trong giai đoạn vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng	<p>Quyền, nghĩa vụ của CQKKHĐ trong việc kiểm tra giám sát nghĩa vụ của DNDA trong giai đoạn vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.</p>
XII. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN GIAO CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG	
Điều 49. Điều kiện kỹ thuật, tình trạng hoạt động và chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khi chuyển giao	<p>49.1. Điều kiện kỹ thuật, tình trạng hoạt động và chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khi chuyển giao thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.</p> <p>49.2. Quyền và nghĩa vụ của CQKKHĐ về nội dung này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.</p>

Điều 50. Trình tự, thủ tục liên quan trong giai đoạn chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng	Trình tự, thủ tục liên quan trong giai đoạn chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.
Điều 51. Chế độ cho người lao động tại DNDA khi chuyển giao công trình cơ sở hạ tầng	Các bên ký kết hợp đồng thỏa thuận về chế độ cho người lao động tại DNDA khi chuyển giao công trình cơ sở hạ tầng trong kế hoạch chuyển giao công nghệ, lao động, hồ sơ công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ công tác vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng cho CQKKHĐ hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.
XIII. QUYỀN, NGHĨA VỤ KHÁC CỦA CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	
Điều 52. Thỏa thuận về việc sử dụng dịch vụ bảo lãnh đối với nghĩa vụ của CQKKHĐ	Thỏa thuận về việc sử dụng dịch vụ bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với nghĩa vụ của CQKKHĐ (nếu có).
Điều 53. Nghĩa vụ của NĐT và giới hạn trách nhiệm của NĐT đối với các trách nhiệm của DNDA trong hợp đồng	Nghĩa vụ của NĐT và giới hạn trách nhiệm của NĐT đối với các trách nhiệm của DNDA trong hợp đồng.
Điều 54. Nghĩa vụ của DNDA trong việc báo cáo định kỳ tình hình triển khai dự án với cơ quan ký kết hợp đồng	Nghĩa vụ của DNDA trong việc báo cáo định kỳ tình hình triển khai dự án với CQKKHĐ.
Điều 55. Nghĩa vụ của DNDA trong việc bảo đảm tuân thủ các quy định về an toàn và sức khỏe của người lao động, bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ liên quan khác	55.1. Trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn lao động của DNDA. 55.2. DNDA chịu trách nhiệm trước CQCTQ và trước pháp luật về việc quản lý tài nguyên, môi trường xây dựng được quy định pháp luật. 55.3. DNDA có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ để bảo đảm sức khỏe người lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.
Điều 56. Nghĩa vụ của các bên đối với việc bảo mật thông tin, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của CQCTQ, cơ quan thanh tra, kiểm toán, giám sát	Các bên ký kết hợp đồng có trách nhiệm phối hợp trong việc cung cấp tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của CQCTQ, cơ quan thanh tra, kiểm toán, giám sát.
XIVI. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG	

<p>Điều 57. Giá trị, thời gian có hiệu lực, các trường hợp được, không được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>57.1. Giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>57.2. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng. <i>DNDA phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.</i> <i>Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày DNDA hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng.</i></p> <p>57.3. Các trường hợp được, không được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
<p>Điều 58. Trách nhiệm của NĐT, DNDA đối với nghĩa vụ cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>58.1. Trách nhiệm của NĐT, DNDA đối với nghĩa vụ cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>58.2. Trong trường hợp NĐT, DNDA không thực hiện nghĩa vụ cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 57 hợp đồng này, CQCTQ thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 33 Luật PPP.</p>
<p>XV. QUY ĐỊNH VỀ PHẠT HỢP ĐỒNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM NGHĨA VỤ</p>	
<p>Điều 59. Các trường hợp phạt hợp đồng</p>	<p>59.1. Vi phạm hợp đồng của DNDA <i>Liệt kê các trường hợp được coi là vi phạm hợp đồng của DNDA theo nguyên tắc: vi phạm nghĩa vụ là việc DNDA không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ.</i> <i>Việc phạt hợp đồng bao gồm cả trường hợp không thực hiện đúng cam kết về việc sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, thiết bị trong nước trong trường hợp NĐT khi tham gia lựa chọn NĐT quốc tế có cam kết sử dụng hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước để được hưởng ưu đãi đầu tư.</i></p> <p>59.2. Vi phạm hợp đồng của CQKKHĐ <i>Liệt kê các trường hợp được coi là vi phạm hợp đồng của CQKKHĐ.</i></p> <p>59.3. Vi phạm nghiêm trọng của các bên ký kết hợp đồng <i>Liệt kê các trường hợp vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng theo nguyên tắc: vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.</i> <i>Việc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo hợp đồng có thể là căn cứ để một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 423 Bộ luật Dân sự 2015.</i></p>

Điều 60. Hình thức phạt hợp đồng	<p>Quy định các hình thức phạt hợp đồng</p> <p><i>Có thể bao gồm các hình thức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phạt tiền: mức phạt cụ thể đối với từng trường hợp và thủ tục thực hiện. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, phù hợp với quy định tại Thông tư này. Trường hợp quy định phạt tiền đối với CQKKHD, phải quy định rõ nguồn vốn, cơ sở pháp lý về thẩm quyền thỏa thuận, nội dung thỏa thuận, cơ quan thực hiện;</i> - <i>Tạm dừng việc khai thác, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng: quy định cụ thể trường hợp vi phạm áp dụng, thời điểm áp dụng, thời hạn phạt và thủ tục thực hiện;</i> - <i>Các hình thức khác do các bên thỏa thuận.</i>
Điều 61. Các hình thức xử lý vi phạm nghĩa vụ khác	<p>Các chế tài, việc xử lý vi phạm nghĩa vụ khác được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật thương mại và quy định có liên quan.</p>
XVI. DOANH NGHIỆP DỰ ÁN	
Điều 62. Mô hình tổ chức, hoạt động của DNDA	<p>Mô hình tổ chức, hoạt động của DNDA tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật PPP.</p>
Điều 63. Vốn điều lệ của DNDA	<p>Vốn điều lệ của DNDA tuân thủ quy định pháp luật doanh nghiệp và quy định tại hợp đồng này.</p>
Điều 64. Nghĩa vụ của NĐT trong việc góp vốn chủ sở hữu	<p>Nghĩa vụ của NĐT trong việc góp vốn chủ sở hữu thực hiện theo quy định tại Điều 76 và Điều 77 Luật PPP và tuân thủ nội dung tại hợp đồng này.</p>
Điều 65. Quyền và nghĩa vụ của NĐT khi chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp cho NĐT khác	<p>Quyền và nghĩa vụ của NĐT khi chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp cho NĐT khác, bao gồm cả trường hợp chuyển nhượng toàn bộ cổ phần hoặc phần vốn góp tương đương với việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án PPP thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật PPP.</p>
XVII. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC	
Điều 66. Việc áp dụng hình thức huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu của DNDA, vốn hợp pháp khác	<p>66.1. DNDA huy động vốn thông qua hình thức phát hành trái phiếu của DNDA thực hiện theo quy định tại Điều 78 Luật PPP.</p> <p>66.2. Các hình thức huy động vốn hợp pháp khác thực hiện theo quy định tại mục 2 Chương II Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.</p>
Điều 67. Điều kiện, nguyên tắc, thời điểm, phương thức phát hành trái phiếu của DNDA	<p>Điều kiện, nguyên tắc, thời điểm, phương thức phát hành trái phiếu của DNDA được thực hiện theo quy định tại Điều 78 Luật PPP, Điều 6 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.</p>
Điều 68. Giá trị vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu, vốn hợp pháp khác	<p>Quy định giá trị vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu, vốn hợp pháp khác.</p> <p><i>Giá trị vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu không vượt quá giá trị phần vốn vay được xác định tại hợp đồng dự án theo quy định tại Điều 78 Luật PPP.</i></p>

XVIII. TÀI SẢN, QUYỀN THẾ CHẤP	
Điều 69. Quy định về tài sản dự án	<p>69.1. Quyền sở hữu</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Quyền sở hữu đối với công trình dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật đầu tư công, pháp luật khác có liên quan.</i> - <i>Quyền sở hữu đối với quyền kinh doanh - quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng do các bên thỏa thuận tại hợp đồng này, phù hợp với quy định pháp luật và tài liệu dự án.</i> <p>69.2. Quyền quản lý, khai thác</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Việc quản lý, khai thác công trình dự án thực hiện hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại Điều 62 và khoản 2 Điều 63 Luật PPP.</i> - <i>Việc quản lý, khai thác tài sản hình thành trong quá trình thực hiện hợp đồng (như các hạng mục do DNDA thực hiện phục vụ cho công tác vận hành, bảo trì, thu phí...) do các bên thỏa thuận tại hợp đồng này, phù hợp với quy định pháp luật và tài liệu dự án.</i> <p>69.3. Tài sản không được phép thế chấp</p> <p><i>Bao gồm: các tài sản không thuộc quyền sở hữu của NĐT, DNDA; các tài sản được hình thành trong quá trình thực hiện hợp đồng dự án ngoại trừ quyền kinh doanh - quản lý (O&M) công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của DNDA.</i></p>
Điều 70. Quyền của DNDA trong việc thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của DNDA	<p>70.1. DNDA được thế chấp quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và các quyền khác (nếu có) thuộc sở hữu của DNDA cho bên cho vay theo quy định pháp luật.</p> <p>70.2. Thời gian thế chấp không vượt quá thời hạn hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác tại hợp đồng.</p> <p>70.3. Các nội dung khác theo quy định tại khoản 4 Điều 80 Luật PPP.</p>
Điều 71. Quyền của DNDA trong việc thế chấp quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng	<p>71.1. Việc thế chấp tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng không được ảnh hưởng đến mục tiêu, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiến độ thực hiện dự án và các điều kiện khác đã thỏa thuận tại hợp đồng.</p> <p>71.2. Thỏa thuận thế chấp tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng phải được lập thành văn bản ký kết giữa bên cho vay và các bên ký kết hợp đồng</p> <p>71.3. Các nội dung khác theo quy định tại khoản 4 Điều 80 Luật PPP.</p>
Điều 72. Trách nhiệm của CQKKHĐ phối hợp với bên cho vay trong việc lựa chọn NĐT thay thế để tiếp nhận quyền, nghĩa vụ đối với tài sản thế chấp khi	<p>Căn cứ phạm vi công việc còn lại của hợp đồng cần thực hiện, CQKKHĐ có trách nhiệm phối hợp với bên cho vay trong việc lựa chọn NĐT thay thế để thực hiện dự án. Việc xác định và thực hiện chỉ định NĐT tuân thủ theo quy định tại Điều 67 và Điều 68 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.</p>

chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	
XIX. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG DỰ ÁN	
Điều 73. Các trường hợp được xem xét sửa đổi hợp đồng dự án	Các trường hợp được xem xét sửa đổi hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật PPP và hợp đồng này.
Điều 74. Trình tự sửa đổi hợp đồng	Trình tự thực hiện sửa đổi hợp đồng dự án được quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật PPP.
Điều 75. Thủ tục, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khi sửa đổi hợp đồng	<p>Thủ tục, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khi sửa đổi hợp đồng.</p> <p><i>Có thể bao gồm các nội dung như:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>CQKKHD yêu cầu đơn vị chuẩn bị dự án lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh làm cơ sở để CQCTQ trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;</i> - <i>NDT, DNDA có trách nhiệm phối hợp với CQKKHD, đơn vị chuẩn bị dự án trong quá trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;</i> - <i>Các nội dung khác theo kết quả thương thảo.</i>
XX. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG DO HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN	
Điều 76. Điều kiện xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản	<p>Điều kiện xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản.</p> <p><i>Căn cứ quy định khoản 1 Điều 420 Bộ luật Dân sự 2015.</i></p>
Điều 77. Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản	<p>Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản.</p> <p><i>Căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 420 Bộ luật Dân sự 2015.</i></p>
Điều 78. Quy định về thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận	<p>Quy định về thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.</p> <p><i>Các bên thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực. Các bên phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.</i></p> <p><i>Trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lý.</i></p>
Điều 79. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản	<p>Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.</p> <p><i>Trường hợp chấm dứt hợp đồng, trong quá trình đàm phán sửa đổi, chấm dứt hợp đồng, Tòa án giải quyết vụ việc, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo quy định tại khoản 4 Điều 420 Bộ luật Dân sự.</i></p>

XXI. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG DO SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG	
Điều 80. Quy định các trường hợp bất khả kháng, điều kiện xác định sự kiện bất khả kháng	Quy định các trường hợp bất khả kháng, điều kiện xác định sự kiện bất khả kháng. <i>Liệt kê các trường hợp bất khả kháng, điều kiện xác định sự kiện bất khả kháng theo nguyên tắc: sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.</i>
Điều 81. Quy trình xử lý trong trường hợp bất khả kháng	Quy trình xử lý trong trường hợp bất khả kháng.
Điều 82. Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi xảy ra sự kiện bất khả kháng	Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, tuân thủ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 Luật PPP.
Điều 83. Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công	Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. <i>Các bên thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực. Các bên phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, các bên thỏa thuận thủ tục thông báo, khắc phục, giải quyết hậu quả,...</i>
Điều 84. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi xảy ra sự kiện bất khả kháng	84.1. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng. 84.2. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến thiệt hại, trách nhiệm bồi thường thiệt hại.
XXII. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG DO QUY HOẠCH, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THAY ĐỔI	
Điều 85. Quy định các trường hợp, điều kiện xác định các trường hợp thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật có ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng dự án	85.1. Các trường hợp thay đổi chính sách, pháp luật có ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng dự án. 85.2. Điều kiện để xác định các trường hợp thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật có ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng dự án được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 và điểm d khoản 3 Điều 51 Luật PPP.
Điều 86. Cơ sở, tài liệu chứng minh doanh thu của DNDA bị sụt giảm so với mức doanh thu trong phương án tài chính do thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật	Cơ sở, tài liệu chứng minh doanh thu của DNDA bị sụt giảm so với mức doanh thu trong phương án tài chính do thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật theo quy định tại Điều 51 và Điều 82 Luật PPP, Điều 17 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.

Điều 87. Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật	Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật.
Điều 88. Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công	<p>Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.</p> <p><i>Các bên thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực. Các bên phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.</i></p> <p><i>Trong trường hợp thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật, các bên thỏa thuận thủ tục thông báo, thực hiện,...</i></p>
Điều 89. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật	<p>Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 Luật PPP.</p> <p><i>Việc quản lý đầu tư theo phương thức PPP phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật PPP.</i></p> <p><i>Thỏa thuận quyền, nghĩa vụ các bên trong trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư trong trường hợp quy hoạch, chính sách, pháp luật liên quan có thay đổi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Luật PPP.</i></p> <p><i>Thỏa thuận quyền, nghĩa vụ của các bên trong trường hợp điều chỉnh thời hạn hợp đồng trong trường hợp có sự thay đổi về quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan làm giảm doanh thu dưới 75% so với mức doanh thu trong phương án tài chính quy định tại hợp đồng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 51 Luật PPP.</i></p>
XXIII. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN	
Điều 90. Các trường hợp được xem xét chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	Các trường hợp được xem xét chấm dứt hợp đồng trước thời hạn được quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật PPP.
Điều 91. Công thức xác định mức chi phí xử lý tương ứng các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	<p>91.1. Trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn tại điểm b khoản 2 Điều 52 Luật PPP hoặc do CQKKHĐ vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều (về việc vi phạm nghĩa vụ hợp đồng của CQKKHĐ) của hợp đồng này, CQKKHĐ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bố trí vốn nhà nước theo quy định của pháp luật để thanh toán kinh phí mua lại hoặc chi trả bồi thường chấm dứt hợp đồng cho DNDA.</p> <p>Việc chi trả bồi thường chấm dứt hợp đồng hoặc thanh toán kinh phí mua lại cho DNDA thực hiện theo quy định tại khoản 2</p>

	<p>và khoản 3 Điều 82 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.</p> <p>91.2. Trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 52 Luật PPP hoặc do lỗi của NĐT, DNDA vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng này thì NĐT có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho NĐT thay thế.</p> <p>91.3. Trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn theo quy định tại điểm a và điểm đ khoản 2 Điều 52 Luật PPP, các bên thỏa thuận về chấm dứt hợp đồng.</p> <p>91.4. Các bên thỏa thuận cách thức, công thức xác định mức chi phí xử lý cho các trường hợp quy định tại Điều này.</p>
Điều 92. Thủ tục, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi thực hiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	<p>Thủ tục, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi thực hiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.</p>
Điều 93. Việc kiểm kê, chuyển giao tài sản, thanh toán cho các bên liên quan tương ứng với từng trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	<p>Việc kiểm kê, chuyển giao tài sản, thanh toán cho các bên liên quan tương ứng với từng trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.</p> <p><i>Thỏa thuận cơ chế phối hợp, điều kiện bàn giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 80 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.</i></p> <p><i>Thỏa thuận về kế hoạch chuyển giao công nghệ, lao động, hồ sơ công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ công tác vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng cho cơ quan ký kết hợp đồng hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (nếu có).</i></p>
Điều 94. Giới hạn trách nhiệm của cơ quan ký kết hợp đồng về nghĩa vụ tài chính khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	<p>Giới hạn trách nhiệm của cơ quan ký kết hợp đồng về nghĩa vụ tài chính khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.</p> <p><i>Các bên cân nhắc, xem xét về thẩm quyền thỏa thuận, trình tự, thủ tục, chi phí, tính khả thi đối với việc quy định về giới hạn trách nhiệm của cơ quan ký kết hợp đồng về nghĩa vụ tài chính khi chấm dứt hợp đồng trước hạn.</i></p>
XXIV. PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH	
Điều 95. Pháp luật điều chỉnh	<p>Pháp luật điều chỉnh hợp đồng dự án và các phụ lục hợp đồng, văn bản có liên quan được ký kết giữa cơ quan ký kết hợp đồng với NĐT, DNDA tuân thủ Điều 55 Luật PPP và pháp luật liên quan.</p> <p><i>Việc thỏa thuận pháp luật điều chỉnh phải phù hợp với quy định pháp luật; căn cứ ký kết hợp đồng nêu tại Phần I. Văn bản thỏa thuận và cá văn bản liên quan. Đồng thời, cần rà soát, nêu thứ tự ưu tiên trong trường hợp có sự khác nhau giữa các văn bản</i></p>

	<i>về cùng một vấn đề.</i>
Điều 96. Quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên đối với các vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định	Quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên đối với các vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định. <i>Các bên cân nhắc, xem xét về thẩm quyền thỏa thuận đối với các vấn đề; việc áp dụng các nguyên tắc chung của pháp luật Việt Nam; trình tự, thủ tục, chi phí, tính khả thi của thỏa thuận đối với các vấn đề Việt Nam không có quy định.</i>
XXV. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	
Điều 97. Cơ chế giải quyết tranh chấp	Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các bên tham gia hợp đồng dự án và tranh chấp giữa DNDA với các tổ chức kinh tế tham gia thực hiện dự án thực hiện theo quy định tại Điều 97 Luật PPP. <i>Các bên cân nhắc, xem xét về trình tự, thủ tục, chi phí, vấn đề thông tin, thẩm quyền, tính sẵn có trên thị trường, ... của cơ quan, tổ chức giải quyết tranh chấp khi lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp.</i>
XXVI. CHẤM DỨT, THANH LÝ HỢP ĐỒNG	
Điều 98. Trình tự, thủ tục, thời điểm thực hiện thỏa thuận chấm dứt hợp đồng đúng thời hạn	Trình tự, thủ tục, thời điểm thực hiện thỏa thuận chấm dứt hợp đồng đúng thời hạn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. Việc thanh lý hợp đồng phải căn cứ trên việc chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật PPP.
Điều 99. Trình tự, thủ tục thực hiện thỏa thuận thanh lý hợp đồng	99.1. Trình tự, thủ tục thực hiện thỏa thuận thanh lý hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật PPP. 99.2. Thời hạn thanh lý hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật PPP.
Điều 100. Quyền, nghĩa vụ của các bên khi chấm dứt, thanh lý hợp đồng	Quyền, nghĩa vụ của các bên khi chấm dứt, thanh lý hợp đồng. <i>Các quy định có thể bao gồm:</i> - <i>Quyền và nghĩa vụ trong trường hợp gian lận trong hoạt động đầu tư PPP như một bên cố ý cung cấp thông tin không trung thực, không khách quan làm sai lệch việc thanh lý hợp đồng dự án PPP theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP.</i> - <i>Quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong trường hợp phát sinh chi phí khi thanh lý hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 68 Luật PPP.</i> - <i>Quyền và nghĩa vụ của DNDA đối với việc cung cấp tài liệu liên quan đến việc thanh lý hợp đồng để lưu trữ hồ sơ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 3 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.</i>
XXVII. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	
Điều 101. Các quy định khác	Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, tài liệu dự án, kết quả thương thảo hợp đồng, bên mời thầu hoàn thiện Điều này đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án.

	<p><i>Các quy định khác có thể bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Bảo mật thông tin;</i>- <i>Thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính liên quan;</i>- <i>Sở hữu trí tuệ;</i>- <i>Giới hạn trách nhiệm;</i>- <i>Hiệu lực hợp đồng;</i>- <i>Quyền miễn trừ;</i>- ...
--	--

PHẦN III. PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Căn cứ quy định pháp luật, tính chất của dự án và kết quả thương thảo hợp đồng, bên mời thầu hoàn thiện nội dung các phụ lục hợp đồng (nếu cần thiết) như: *bảo hiểm, thông tin về doanh nghiệp dự án, phương án tài chính, danh sách các văn bản chấp thuận phê duyệt, bảo đảm thực hiện hợp đồng và các bảo đảm khác, chức năng của cơ quan được ủy quyền, yêu cầu kỹ thuật về thiết kế, yêu cầu về kỹ thuật thi công, yêu cầu về vận hành, bảo trì, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, ...*